

BỘ TƯ LỆNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THAM MƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1418 /PTM-DQTV
V/v triển khai thực hiện Công văn
số 8333/BTM-DQTV ngày 06/12/2018
của Bộ Tham mưu Quân khu 7

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2018

Ký: *Trần Đình Phú*

TRƯỞNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG	
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số:.....	04.....
ĐẾN	Ngày: 03/01/2019
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Kính gửi:

- Ban CHQS 24 quận, huyện;
- Ban CHQS cơ quan, tổ chức cấp thành phố quản lý.

Căn cứ Công văn số 8333/BTM-DQTV ngày 06/12/2018 của Bộ Tham mưu Quân khu 7 về tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác Dân quân tự vệ (Công văn số 8333/BTM-DQTV ngày 06/12/2018 của Bộ Tham mưu Quân khu 7);

Phòng Tham mưu/Bộ Tư lệnh Thành phố photo đầy đủ nội dung Công văn số 8333/BTM-DQTV ngày 06/12/2018 của Bộ Tham mưu Quân khu 7 triển khai đến Ban CHQS 24 quận, huyện và Ban CHQS cơ quan, tổ chức cấp thành phố quản lý. Đề nghị Ban CHQS 24 quận, huyện và Ban CHQS các cơ quan, tổ chức tham mưu cho cấp ủy, người đứng đầu cơ quan nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện thống nhất đến cấp cơ sở; xây dựng đủ các văn bản thực hiện Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ, Thông tư số 33/2016/TT-BQP ngày 29/3/2016, Thông tư số 108/2016/TT-BQP ngày 16/7/2016 của Bộ Quốc phòng theo quy định tại Công văn số 8333/BTM-DQTV ngày 06/12/2018 của Bộ Tham mưu Quân khu 7.

Xây dựng hoàn thành các văn bản xong trước ngày 31/01/2019.

Thời gian báo cáo về Phòng Tham mưu/Bộ Tư lệnh Thành phố (qua Ban Dân quân tự vệ): trước ngày 01/02/2019. / *vt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, DQTV; Đ210.



Thượng tá Tăng Văn Hùng

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ THAM MƯU **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 833/BTM-DQTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2018

V/v tiếp tục quán triệt, triển khai
thực hiện hệ thống văn bản quy phạm
pháp luật về công tác Dân quân tự vệ

Kính gửi:

- Sư đoàn BB5, Sư đoàn BB 317,
Sư đoàn BB 302;
- Lữ đoàn PK 77, Lữ đoàn PB 75,
Lữ đoàn CB 25, Lữ đoàn TT 23;
- Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bộ CHQS 08 tỉnh;
- Tập đoàn CNCS Việt Nam;
- Trường Cao đẳng nghề số 7;
- Công ty Tây Nam;
- Công ty Đông Hải;
- Công ty Dệt may 7;
- Đoàn kinh tế quốc phòng 778;
- Xưởng in/Quân khu;
- Xí nghiệp may/CHCqk.

Thực hiện Luật Dân quân tự vệ; Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 Chính phủ Quy định việc phối hợp của DQTV với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ ANCT, TTATXH ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng; Thông tư số 33/2016/TT-BQP ngày 29/3/2016 của Bộ Quốc phòng Hướng dẫn một số điều của Luật DQTV và Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật DQTV; Thông tư số 108/2016/TT-BQP ngày 16/7/2016 của Bộ Quốc phòng Quy định về nội dung, trình tự lập và phê chuẩn kế hoạch hoạt động; nhiệm vụ, nội dung, chế độ hoạt động của DQTV trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu (TTSSCD) và sở chỉ huy các cấp về công tác DQTV; Thông tư số 65/2016/TT-BQP ngày 16/5/2016 của Bộ Quốc phòng Quy định và hướng dẫn về trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của DQTV; Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCNVN về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Những năm qua, Bộ Tham mưu Quân khu đã ban hành nhiều công văn, hướng dẫn triển khai thực hiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về DQTV đến cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện, Ban CHQS cấp xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức ở cơ sở, chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi không có Ban CHQS cơ quan, tổ

chức ở cơ sở), nhà trường, doanh nghiệp Quân đội thuộc Quân khu (gọi tắt là đơn vị). Chỉ huy cơ quan quân sự địa phương các cấp, đơn vị đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt công tác DQTV góp phần quan trọng trong củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững ANCT, TTATXH, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn có cơ quan quân sự địa phương, đơn vị các cấp thuộc Quân khu chưa quán triệt và tổ chức thực hiện cụ thể, đầy đủ, nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về DQTV, dẫn đến kết quả về công tác DQTV có mặt còn hạn chế.

Nhằm phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế, bất cập như đã nêu. Để tiếp tục củng cố, xây dựng nâng cao hiệu quả công tác DQTV trên địa bàn Quân khu những năm tiếp theo. Bộ Tham mưu Quân khu, hướng dẫn; thống nhất thực hiện một số nội dung sau:

1. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CÔNG TÁC THAM MUU TRONG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 133/2015/NĐ-CP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DQTV

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định số 133/2015/NĐ-CP và công tác hoạt động của DQTV trong thời gian tới. Yêu cầu Chỉ huy các Sư đoàn, Lữ đoàn, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ CHQS 08 tỉnh, nhà trường, doanh nghiệp Quân đội thuộc Quân khu cần tập trung vào một số nội dung, giải pháp chính sau:

1. Chỉ huy các Sư đoàn, Lữ đoàn; cơ quan quân sự địa phương, đơn vị các cấp tham mưu, chỉ đạo tổ chức tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về Dân quân tự vệ, phòng chống thiên tai trọng tâm là Nghị định số 133/2015/NĐ-CP, Nghị định số 77/2010/NĐ-CP; Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ về tổ chức hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2. Thường xuyên rà soát, kiện toàn DQTV cơ động, Dân quân thường trực; bổ sung, điều chỉnh, quy chế, kế hoạch; tổ chức luyện tập các phương án chiến đấu, sẵn sàng lực lượng, phương tiện cơ động tham gia xử lý các tình huống trên địa bàn, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng yếu, không để xảy ra mất mát, cháy, nổ. Chỉ đạo DQTV, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng khác trên địa bàn thực hiện tốt Nghị định số 133/2015/NĐ-CP và văn bản của Bộ Quốc phòng, cơ quan quân sự các cấp hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 133/2015/NĐ-CP.

3. Chỉ huy các Sư đoàn, Lữ đoàn chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cấp tiểu đoàn, đại đội trực thuộc cấp trung đoàn và tương đương trở lên đứng chân trên địa bàn có hoạt động phối hợp với Dân quân tự vệ, chủ trì, trao đổi, thống nhất với Ban CHQS cấp xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức ở cơ sở, xây dựng quy chế phối hợp hoạt động, cùng ký và tổ chức thực hiện.

4. Các địa phương có biên giới đất liền cần tiếp tục làm tốt công tác tham mưu việc tổ chức, xây dựng, kiện toàn, củng cố, hoạt động chốt chiến đấu của Dân quân thường trực biên giới đất liền theo Hướng dẫn số 7678/HD-BTM ngày 14/12/2016 của Bộ Tham mưu Quân khu, Hướng dẫn số 88/HD-DQ ngày 16/02/2017 của Cục dân quân tự vệ.

5. Các địa phương ven biển, đảo tích cực tham mưu cho lãnh đạo địa phương và phối hợp với các lực lượng có liên quan xây dựng lực lượng DQTV biển theo Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tổ chức huấn luyện cho lực lượng DQTV biển, ngư dân theo Nghị định số 30/2010/NĐ-CP, 130/2015/NĐ-CP của Chính phủ, sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán các vùng biển của Việt Nam.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn DQTV phối hợp hoạt động với các lực lượng theo Nghị định số 117/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 Chính phủ về phòng thủ dân sự; Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ về tổ chức hoạt động ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

7. Chỉ đạo, hướng dẫn DQTV phối hợp hoạt động với các lực lượng tổ chức DQTV tham gia công tác dân vận và xây dựng nông thôn mới.

8. Nắm chắc thẩm quyền điều động DQTV theo quy chế phối hợp hoạt động bảo vệ biên giới, biển đảo (Điều 5); Bảo vệ ANCT, TTATXH ở cơ sở (Điều 6); Bảo vệ và phòng, chống cháy rừng tại (Điều 7, Chương I) Nghị định số 133/2015/NĐ-CP.

9. Chỉ đạo, hướng dẫn DQTV nắm chắc các nhiệm vụ khi phối hợp hoạt động với các lực lượng trong bảo vệ biên giới đất liền (Điều 12); Bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển Việt Nam (Điều 13); Trong trạng thái thường xuyên (Điều 14); Trong trạng thái có tình huống (Điều 15); Trong tình trạng khẩn cấp khi có tình hình đe dọa nghiêm trọng an ninh quốc gia, TTATXH (Điều 16); Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thực hiện Lệnh thiết quân lực, Lệnh giới nghiêm (Điều 17); Trong công tác bảo vệ rừng (Điều 19); Trong công tác phòng, chống cháy rừng (Điều 20, Chương II) Nghị định số 133/2015/NĐ-CP)

10. Duy trì nghiêm túc chế độ giao ban, trao đổi thông tin, xác minh thông tin đặc biệt là khả năng nhận định tình hình, phối hợp tham mưu đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương về nội dung, biện pháp xử lý kịp thời, chính xác các tình huống không để bị động, bất ngờ. Tăng cường phối hợp kiểm tra, thanh tra, sơ tổng kết; bảo đảm kinh phí cho hoạt động và chế độ, chính sách của DQTV theo quy định của pháp luật.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ 33/2016/TT-BQP

1. Thực hiện tốt công tác đăng ký quản lý DQTV (Điều 3); Tiêu chuẩn, tuyển chọn DQTV (Điều 4).

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, Ban CHQS cấp xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Chỉ huy đơn vị DQTV phải tổ chức, biên chế DQTV thường trực, cơ động, tại chỗ; DQTV phòng không; DQTV pháo binh; DQTV biển (Điều 7).

3. Làm tốt công tác tham mưu việc xây dựng, củng cố trụ sở hoặc phòng làm việc của Ban CHQS cấp xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức bảo đảm đầy đủ các danh mục trang thiết bị chuyên ngành quân sự (Điều 8).

4. Quy mô tổ chức DQTV trong trạng thái SSCĐ thường xuyên (Điều 9): Cơ quan quân sự cấp tỉnh, huyện, xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Chỉ huy đơn vị DQTV, căn cứ vào dân số, địa bàn, bố trí dân cư, yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, tình ANCT, kinh tế, văn hóa, xã hội; Quy mô tổ chức DQTV trong trạng thái SSCĐ tăng cường (Điều 10).

5. Mở rộng DQTV trong trạng thái SSCĐ cao (Điều 11): Cơ quan quân sự cấp tỉnh, huyện, xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Chỉ huy đơn vị DQTV, căn cứ vào chỉ lệnh, mệnh lệnh của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và hướng dẫn của cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng về mở rộng lực lượng vũ trang trong trạng thái SSCĐ cao; mệnh lệnh, chỉ thị hoặc quyết định mở rộng lực lượng của cấp có thẩm quyền; tình hình dân số, bố trí dân cư, yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở từng địa phương và kế hoạch mở rộng lực lượng DQTV đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn.

6. Mở rộng DQTV trong trạng thái SSCĐ toàn bộ (Điều 12): Cơ quan quân sự cấp tỉnh, huyện, xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Chỉ huy đơn vị DQTV, căn cứ vào chỉ lệnh, mệnh lệnh của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và hướng dẫn của cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng về mở rộng lực lượng vũ trang trong trạng thái SSCĐ toàn bộ; mệnh lệnh, chỉ thị hoặc quyết định mở rộng lực lượng của cấp có thẩm quyền; tình hình dân số, bố trí dân cư, yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở từng địa phương và kế hoạch mở rộng lực lượng DQTV đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn.

7. Thẩm quyền quyết định mở rộng DQTV (Điều 13)

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định mở rộng lực lượng DQTV trong phạm vi cả nước.

b) Căn cứ chỉ lệnh, mệnh lệnh, quyết định của cấp có thẩm quyền :

- Tư lệnh Quân khu quyết định mở rộng lực lượng DQTV trên địa bàn Quân khu sau khi thống nhất với Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định mở rộng lực lượng DQTV trên địa bàn cấp tỉnh sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch UBND cùng cấp.

- Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định mở rộng lực lượng DQTV trên địa bàn cấp huyện sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch UBND cùng cấp.

- Tư lệnh Quân chủng Hải quân quyết định mở rộng TV sau khi thống nhất với người đứng đầu cơ quan, tổ chức có TV biển do Quân chủng Hải quân quản lý; người đứng đầu các doanh nghiệp thuộc quân đội quản lý quyết định mở rộng TV thuộc quyền.

8. Văn kiện mở rộng DQTV (Điều 14) gồm: Quyết định mở rộng DQTV, Kế hoạch mở rộng DQTV.

9. Phân cấp lập, phê chuẩn kế hoạch mở rộng DQTV (Điều 15)

a) Bộ Tham mưu Quân khu lập Kế hoạch mở rộng DQTV trên địa bàn Quân khu, trình Tư lệnh Quân khu phê chuẩn.

b) Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh lập Kế hoạch mở rộng DQTV báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp và trình Tư lệnh Quân khu phê chuẩn.

c) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện lập Kế hoạch mở rộng DQTV báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp và trình Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh phê chuẩn.

d) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã lập Kế hoạch mở rộng DQ và báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp, trình Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện phê chuẩn.

đ) Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, chỉ huy đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy cơ quan, tổ chức; tổ chức cơ sở do cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện quản lý lập Kế hoạch mở rộng tự vệ, báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức cùng cấp, trình Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương quản lý phê chuẩn.

e) Cơ quan chức năng của doanh nghiệp quân đội có tổ chức tự vệ lập kế hoạch mở rộng lực lượng TV trình cấp có thẩm quyền thành lập tự vệ trong doanh nghiệp phê chuẩn.

g) Kế hoạch mở rộng DQTV được xây dựng từ thời bình; hằng năm rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

III. NỘI DUNG, TRÌNH TỰ LẬP VÀ PHÊ CHUẨN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 108/2016/TT-BQP CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

1. Đơn vị Dân quân tự vệ cấp trung đội, đại đội, hải đội, tiểu đoàn, hải đoàn (Điều 3): Chủ trì xây dựng 06 kế hoạch

a) Trong trạng thái SSCĐ thường xuyên: Xây dựng 03 kế hoạch

- Kế hoạch bảo vệ mục tiêu khi có bạo loạn;
- Kế hoạch đánh chiếm lại mục tiêu khi bạo loạn có vũ trang;
- Kế hoạch phối hợp hoạt động của đơn vị dân quân tự vệ với các lực lượng trong bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng và phòng thủ dân sự có liên quan.

b) Trong trạng thái SSCĐ tăng cường, cao, toàn bộ và theo nhiệm vụ, tình huống nếu được giao: Xây dựng 03 kế hoạch

- Kế hoạch chiến đấu tại chỗ khi đóng quân tập trung;
- Kế hoạch chiến đấu cho từng nhiệm vụ được giao;
- Kế hoạch phối hợp chiến đấu cho từng nhiệm vụ được giao;

c) Trình tự lập, phê chuẩn các kế hoạch này theo Khoản 3, Điều 3; Nội dung, mẫu, quy cách trình bày theo quy định tại phụ lục 1 của Thông tư.

2. Ban CHQS cấp xã (Điều 4): Chủ trì xây dựng 14 kế hoạch

a) Trong trạng thái SSCĐ thường xuyên: Xây dựng 07 kế hoạch

- Kế hoạch hoạt động hằng năm;
- Kế hoạch chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu (SSCĐ);
- Kế hoạch mở rộng dân quân trong các trạng thái SSCĐ;
- Kế hoạch chiến đấu phòng thủ (thuyết minh, sơ đồ);
- Kế hoạch phòng không nhân dân (thuyết minh, sơ đồ);
- Kế hoạch phối hợp hoạt động của ban chỉ huy quân sự cấp xã với các lực lượng trong bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ ANCT, TTATXH ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng và phòng thủ dân sự có liên quan;
- Kế hoạch công tác đảng, công tác chính trị cho dân quân trong từng nhiệm vụ.

b) Trong trạng thái SSCĐ tăng cường, cao, toàn bộ và theo nhiệm vụ, tình huống được giao: Xây dựng 07 kế hoạch

- Kế hoạch thực hiện lệnh huy động nhân lực, phương tiện, tàu thuyền (khi được giao);
- Kế hoạch thực hiện lệnh huy động lực lượng dự động viên (khi được giao);
- Kế hoạch thực hiện lệnh thiết quân luật, lệnh giới nghiêm (khi có lệnh);
- Kế hoạch chiến đấu cho từng nhiệm vụ được giao (khi có lệnh);
- Kế hoạch phối hợp chiến đấu cho từng nhiệm vụ được giao (khi có nhiệm vụ);
- Kế hoạch phục vụ chiến đấu cho từng nhiệm vụ được giao (khi có nhiệm vụ được giao);
- Kế hoạch sản xuất vũ khí tự tạo.

** Ban CHQS cấp xã chủ trì tham mưu xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch cơ bản.*

- Kế hoạch giáo dục quốc phòng và an ninh ;
- Kế hoạch thực hiện tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ ;
- Kế hoạch chuyển xã (phường, thị trấn) từ thời bình sang thời chiến;
- Kế hoạch bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính cho từng nhiệm vụ được giao.

c) Trình tự lập, phê chuẩn kế hoạch theo Khoản 3, Điều 4; Nội dung, mẫu, quy cách trình bày theo quy định tại phụ lục 2 của Thông tư.

3. Ban CHQS cơ quan, tổ chức ở cơ sở, chỉ huy đơn vị tự vệ nơi không có Ban CHQS cơ quan, tổ chức ở cơ sở (Điều 5): Chủ trì xây dựng 15 kế hoạch

a) Trong trạng thái SSCĐ thường xuyên: Xây dựng 07 kế hoạch

- Kế hoạch hoạt động hằng năm;
- Kế hoạch chuyển trạng thái SSCĐ;
- Kế hoạch mở rộng tự vệ trong các trạng thái SSCĐ;

- Kế hoạch chiến đấu bảo vệ cơ quan, tổ chức;
- Kế hoạch thực hiện tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ;
- Kế hoạch phối hợp hoạt động của ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức với các lực lượng trong bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng và phòng thủ dân sự có liên quan;
- Kế hoạch công tác đảng, công tác chính trị cho tự vệ cơ quan, tổ chức trong từng nhiệm vụ.

b) Trong trạng thái SSCĐ tăng cường, cao, toàn bộ và theo nhiệm vụ, tình huống nếu được giao: Xây dựng 08 kế hoạch

- Kế hoạch chiến đấu cho từng nhiệm vụ được giao;
- Kế hoạch thực hiện lệnh thiết quân luật, lệnh giới nghiêm(khi có lệnh);;
- Kế hoạch phối hợp chiến đấu cho từng nhiệm vụ được giao (khi có lệnh);
- Kế hoạch thực hiện lệnh huy động nhân lực, phương tiện, tàu thuyền (khi được giao);
- Kế hoạch thực hiện lệnh huy động lực lượng dự bị động viên (khi được giao);
- Kế hoạch phục vụ chiến đấu cho từng nhiệm vụ được giao (khi có nhiệm vụ được giao);
- Kế hoạch bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính cho từng nhiệm vụ được giao;
- Kế hoạch sản xuất vũ khí tự tạo.

*** Tham mưu soạn thảo 03 kế hoạch hoạt động cơ bản**

- Kế hoạch giáo dục quốc phòng và an ninh ;
- Kế hoạch chuyển cơ quan, tổ chức từ thời bình sang thời chiến;
- Kế hoạch thực hiện Quyết định động viên công nghiệp; động viên nhân lực, phương tiện nền kinh tế quốc dân năm đầu chiến tranh (khi được giao);

c) Trình tự lập, phê chuẩn kế hoạch theo Khoản 3, Điều 5 ; Nội dung, mẫu, quy cách trình bày theo quy định tại phụ lục 3 và phụ lục 5 của Thông tư.

4. Ban CHQS bộ, ngành TW (Điều 6): Chủ trì xây dựng 08 kế hoạch

a) Trong trạng thái SSCĐ thường xuyên: Xây dựng 01 kế hoạch

Kế hoạch hoạt động hằng năm.

b) Trong trạng thái SSCĐ tăng cường, cao, toàn bộ và theo nhiệm vụ, tình huống nếu được giao: Xây dựng 01 kế hoạch

Kế hoạch thực hiện lệnh thiết quân luật, lệnh giới nghiêm (khi có lệnh);

*** Tham mưu soạn thảo 06 kế hoạch hoạt động cơ bản sau**

- Kế hoạch giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Kế hoạch chuyển trạng thái SSCĐ;
- Kế hoạch chuyển bộ (ngành) vào các trạng thái quốc phòng;
- Kế hoạch bảo đảm nhu cầu quốc phòng năm đầu chiến tranh (khi được giao);
- Kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên (khi được giao);

- Kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân bảo đảm cho nhu cầu quốc phòng và các hoạt động của xã hội (khi được giao).

Các kế hoạch này (trừ Kế hoạch giáo dục quốc phòng và an ninh), Cục Tác chiến, Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu có kế hoạch tập huấn, hướng dẫn riêng.

c) Trình tự lập, phê chuẩn kế hoạch theo Khoản 3, Điều 6. Nội dung, mẫu, quy cách trình bày theo quy định tại phụ lục 3 và phụ lục 5 của Thông tư.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC THỰC THÔNG TƯ SỐ 65/2016/TT-BQP

Nhằm thống nhất thực hiện Thông tư số 65/2016/TT-BQP, quy định và hướng dẫn về trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của DQTV. Yêu cầu Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ CHQS 08 tỉnh, nhà trường, doanh nghiệp Quân đội thuộc Quân khu, triển khai thực hiện một số nội dung, giải pháp chính, như sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Hướng dẫn số 4188/HD-BTM ngày 06/7/2016 của Bộ Tham mưu Quân khu, các địa phương trang bị vũ khí quân dụng cho DQTV đủ số lượng theo qui định các loại súng được trang bị. Riêng súng tiểu liên AK Quân khu đã đề nghị Bộ Quốc phòng cấp bổ sung, khi nào có Quân khu sẽ cấp cho các địa phương đảm bảo trang bị cho lực lượng DQTV theo qui định.

2. Trường hợp DQTV được nổ súng tại điểm 4, 5 Điều 17, khi thi hành nhiệm vụ độc lập, việc nổ súng phải tuân theo các nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 22 Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 và các điều khoản khác qui định trong Thông tư số 65/2016/TT-BQP. (Đến ngày 01/7/2018 Điều 17 của Thông tư số 65 và Pháp lệnh số 16 sẽ hết hiệu lực, thay vào đó thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. (Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018).

V. MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC THỰC LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1. Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ gồm 8 Chương 76 Điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018; (Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 16/2011/UBTVQH12 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 07/2013/UBTVQH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành).

2. Chương I, những quy định chung, gồm 16 điều: (từ Điều 1 đến Điều 16); Chương II, quản lý, sử dụng vũ khí, gồm 18 điều: (từ Điều 17 đến Điều 34); Chương III, quản lý, sử dụng vật liệu nổ, gồm 11 điều: (từ Điều 35 đến Điều 45); Chương IV, quản lý, sử dụng tiền thuốc chất nổ, gồm 6 điều: (từ Điều 46 đến Điều 51); Chương V, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ, gồm 11 điều: (từ Điều 52 đến Điều 62); Chương VI, tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, gồm 9 điều: (từ Điều 63 đến Điều 71); Chương VII, quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất

thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, gồm 3 điều: (từ Điều 72 đến Điều 74); Chương VIII, điều khoản thi hành, gồm 2 điều (từ Điều 75 đến Điều 76).

3. Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ CHQS 08 tỉnh, nhà trường, doanh nghiệp Quân đội thuộc Quân khu tập trung quán triệt, triển khai thực hiện cụ thể trong thời gian tới như sau:

3.1. Điều 22. Nguyên tắc sử dụng vũ khí quân dụng

1. Khi thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, việc sử dụng vũ khí quân dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về quốc phòng.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, việc sử dụng vũ khí quân dụng phải tuân theo nguyên tắc sau đây:

a) Phải căn cứ vào tình huống, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà đối tượng thực hiện để quyết định việc sử dụng vũ khí quân dụng;

b) Chỉ sử dụng vũ khí quân dụng khi không còn biện pháp nào khác để ngăn chặn hành vi của đối tượng và sau khi đã cảnh báo mà đối tượng không tuân theo. Nếu việc sử dụng vũ khí quân dụng không kịp thời sẽ đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người thi hành công vụ, người khác hoặc có thể gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác thì được sử dụng ngay;

c) Không sử dụng vũ khí quân dụng khi biết rõ đối tượng là phụ nữ, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, trừ trường hợp những người này sử dụng vũ khí, vật liệu nổ tấn công hoặc chống trả, đe dọa tính mạng, sức khỏe của người thi hành công vụ hoặc người khác;

d) Trong mọi trường hợp, người sử dụng vũ khí quân dụng phải hạn chế thiệt hại do việc sử dụng vũ khí quân dụng gây ra.

3. Khi thực hiện nhiệm vụ độc lập, việc sử dụng vũ khí quân dụng phải tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này, Điều 23 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Khi thực hiện nhiệm vụ có tổ chức, việc sử dụng vũ khí quân dụng phải tuân theo mệnh lệnh của người có thẩm quyền. Người ra mệnh lệnh phải tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này, Điều 23 của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Người được giao sử dụng vũ khí quân dụng không phải chịu trách nhiệm về thiệt hại khi việc sử dụng vũ khí quân dụng đã tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều này; trường hợp sử dụng vũ khí quân dụng vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, gây thiệt hại rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, lợi dụng hoặc lạm dụng việc sử dụng vũ khí quân dụng để xâm phạm tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3.2. Điều 23. Các trường hợp nổ súng quân dụng khi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự

1. Người thi hành nhiệm vụ độc lập phải cảnh báo bằng hành động, mệnh lệnh lời nói hoặc bắn chỉ thiên trước khi nổ súng vào đối tượng trong trường hợp sau đây:

a) Đối tượng đang sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, vũ lực hoặc công cụ, phương tiện khác tấn công hoặc chống trả đe dọa tính mạng, sức khỏe của người thi hành công vụ hoặc người khác;

b) Đối tượng đang sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, vũ lực hoặc công cụ, phương tiện khác gây rối trật tự công cộng đe dọa tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác;

c) Người đang bị truy nã, bị bắt, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử hoặc chấp hành hình phạt tù đang chống trả, đe dọa tính mạng, sức khỏe của người thi hành công vụ hoặc người khác; đối tượng đang đánh tháo người bị dẫn giải, người bị giam, giữ, áp giải do phạm tội nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, tái phạm nguy hiểm;

d) Khi biết rõ đối tượng đang thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng;

đ) Được nổ súng vào phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông đường thủy nội địa, trừ phương tiện giao thông của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế để dùng phương tiện đó trong trường hợp đối tượng điều khiển phương tiện đó tấn công hoặc đe dọa trực tiếp đến tính mạng người thi hành công vụ hoặc người khác; khi biết rõ phương tiện do đối tượng phạm tội điều khiển cố tình chạy trốn, trừ trường hợp trên phương tiện có chở người hoặc có con tin; khi biết rõ trên phương tiện chở đối tượng phạm tội hoặc vũ khí, vật liệu nổ trái phép, tài liệu phản động, bí mật nhà nước, ma túy, bảo vật quốc gia cố tình chạy trốn, trừ trường hợp trên phương tiện có chở người hoặc có con tin.

2. Người thi hành nhiệm vụ độc lập được nổ súng vào đối tượng không cần cảnh báo trong trường hợp sau đây:

a) Đối tượng đang sử dụng vũ khí, vật liệu nổ trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội khủng bố, giết người, bắt cóc con tin hoặc đang trực tiếp sử dụng vũ khí, vật liệu nổ chống lại việc bắt giữ khi vừa thực hiện xong hành vi phạm tội đó;

b) Đối tượng sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển hoặc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trực tiếp sử dụng vũ khí, vật liệu nổ chống lại việc bắt giữ;

c) Đối tượng đang sử dụng vũ khí, vật liệu nổ tấn công hoặc uy hiếp trực tiếp đến an toàn của đối tượng cảnh vệ, công trình quan trọng về an ninh quốc gia, mục tiêu quan trọng được bảo vệ theo quy định của pháp luật;

d) Đối tượng đang sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, vũ lực đe dọa trực tiếp đến tính mạng của người thi hành công vụ hoặc người khác;

đ) Đối tượng đang trực tiếp thực hiện hành vi cướp súng của người thi hành công vụ;

e) Được nổ súng vào động vật đang đe dọa trực tiếp đến tính mạng và sức khỏe của người thi hành công vụ hoặc người khác.

3.3. Điều 28. Đối tượng được trang bị vũ khí thô sơ

1. Đối tượng được trang bị vũ khí thô sơ bao gồm:

- a) Quân đội nhân dân;
- b) Dân quân tự vệ;
- c) Cảnh sát biển;
- d) Công an nhân dân;
- đ) Cơ yếu;
- e) Kiểm lâm, Kiểm ngư;
- g) An ninh hàng không;
- h) Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách chống buôn lậu của Hải quan;
- i) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;
- k) Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ quy định việc trang bị vũ khí thô sơ đối với đối tượng thuộc Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ, Cảnh sát biển, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, Cơ yếu và câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

3. Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ quy định việc trang bị vũ khí thô sơ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

3.4. Điều 31. Sử dụng vũ khí thô sơ

1. Người được giao vũ khí thô sơ khi thực hiện nhiệm vụ phải tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này và được sử dụng trong trường hợp sau đây:

- a) Trường hợp quy định tại Điều 23 của Luật này;
- b) Ngăn chặn người đang có hành vi đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người khác;
- c) Phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết theo quy định của pháp luật.

2. Người được giao sử dụng vũ khí thô sơ không phải chịu trách nhiệm về thiệt hại khi việc sử dụng vũ khí thô sơ đã tuân thủ quy định tại Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp sử dụng vũ khí thô sơ vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, gây thiệt hại rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, lợi dụng hoặc lạm dụng việc sử dụng vũ khí thô sơ để xâm phạm sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3.5. Điều 55. Đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ

1. Đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ bao gồm:

- a) Quân đội nhân dân;
- b) Dân quân tự vệ;
- c) Cảnh sát biển;
- d) Công an nhân dân;

- đ) Cơ yếu;
- e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- g) Cơ quan thi hành án dân sự;
- h) Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, Kiểm ngư, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thủy sản;
- i) Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách chống buôn lậu của Hải quan;
- k) Đội kiểm tra của lực lượng Quản lý thị trường;
- l) An ninh hàng không, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải;
- m) Lực lượng bảo vệ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ;
- n) Ban Bảo vệ dân phố;
- o) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;
- p) Cơ sở cai nghiện ma túy;
- q) Các đối tượng khác có nhu cầu trang bị công cụ hỗ trợ thì căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ quy định việc trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ đối với đối tượng thuộc Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ, Cảnh sát biển, Cơ yếu và câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

3. Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ quy định việc trang bị công cụ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

3.6. Điều 61. Sử dụng công cụ hỗ trợ

1. Người được giao công cụ hỗ trợ khi thực hiện nhiệm vụ phải tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này và được sử dụng trong trường hợp sau đây:

- a) Trường hợp quy định tại Điều 23 của Luật này;
- b) Ngăn chặn, giải tán biểu tình bất hợp pháp, bạo loạn, gây rối trật tự công cộng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;
- c) Ngăn chặn người đang có hành vi đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người thi hành công vụ hoặc người khác;
- d) Ngăn chặn, giải tán việc gây rối, chống phá, không phục tùng mệnh lệnh của người thi hành công vụ, làm mất an ninh, an toàn trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện ma túy;
- đ) Phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết theo quy định của pháp luật.

2. Người được giao sử dụng công cụ hỗ trợ không phải chịu trách nhiệm về thiệt hại khi việc sử dụng công cụ hỗ trợ đã tuân thủ quy định tại Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp sử dụng công cụ hỗ trợ vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, gây thiệt hại rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, lợi dụng hoặc lạm dụng việc sử dụng công cụ hỗ trợ để

xâm phạm tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Nhận được Công văn này, yêu cầu các Sư, Lữ đoàn, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ CHQS 08 tỉnh, nhà trường, doanh nghiệp Quân đội thuộc Quân khu tổ chức quán triệt, triển khai đến cán bộ, chiến sĩ DQTV ở cơ sở thực hiện nghiêm túc. Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Bộ Tham mưu Quân khu (qua Phòng Dân quân tự vệ/BTMQK), tổng hợp báo cáo Bộ Tư lệnh Quân khu chỉ đạo thực hiện./*Quang*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT BTM;
- Phòng TC, QL, QH-NT/BTMQK.
- Trường QSQK;
- Lưu: VT, P.DQTV, S39b.

**KT. THAM MƯU TRƯỞNG
PHÓ THAM MƯU TRƯỞNG**



Đại tá Phạm Văn Thuận